

Bản án số: 243/2025/HS-PT
Ngày 15 – 4 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 51/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Thu H2.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 580/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thu H2; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 26/8/1957 tại tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 Đường số A, Khu phố A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Trí T (đã chết) và bà Đặng Thị T1 (đã chết); Bị cáo có chồng Nguyễn Văn Á (đã ly hôn) và 01 con (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 21/5/2024 (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Thu H2: Luật sư Vũ Thanh H – Văn phòng Luật sư Vũ Thanh H, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số B Đường số B, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Trong vụ án này bị hại không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo của bị cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, Phạm Thu H2 thuê căn nhà số D Đường số C (năm 2012 được cấp số mới là số 205 Đường số A), Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Châu Thị Kim H1 là chủ sở hữu để ở. Do con gái của H2 là Nguyễn Bảo T2 thiếu nợ, H2 muốn có tiền để trả nợ giúp cho T2 nên vào khoảng tháng 7/2018, H2 đã nói mượn chị H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất ở căn nhà trên để photo, khai lại nhân khẩu, tạm trú, tạm vắng. Đến tháng 11/2018, H2 thuê đối tượng không rõ lai lịch đánh máy tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân của H2 rồi cắt dán đè lên dòng tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân của chị H1 trên bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất ở và photo ra bản mang tên của H2. Thông qua môi giới, H2 đã rao bán căn nhà trên và chị Nguyễn Thị Kim D (sinh năm 1980, ngụ tại số B Đường số B, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) đã đồng ý mua căn nhà trên với giá 2.000.000.000 đồng. H2 đưa bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất ở căn nhà (giả) mang tên Phạm Thu H2 để chị D tin tưởng.

Ngày 30/11/2018, H2 ký 02 bản giấy tay “Hợp đồng mua bán nhà đất” căn nhà trên cùng chị D với số tiền 2.000.000.000 đồng. Chị D đặt cọc trước số tiền 500.000.000 đồng và hẹn ngày 05/12/2018 ra công chứng sang tên. Sau khi nhận được 500.000.000 đồng tiền cọc của chị D, H2 đã trả nợ giúp cho T2 số tiền 200.000.000 đồng (cho đối tượng không rõ lai lịch). Sau đó, H2 hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện việc chuyển nhượng. Chị D nghi ngờ nên đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận G tìm hiểu và biết căn nhà không phải do H2 đứng tên chủ sở hữu, nên đã đến Công an P, quận G tố cáo.

Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G giải quyết. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Phạm Thu H2 đã giao nộp lại số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 28/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 317/KLGD-TT ngày 31/01/2019 của Phòng K Công an Thành phố H về chữ viết, chữ ký của Phạm Thu H2 tại 02 bản “Hợp đồng mua bán nhà đất”, kết luận: “Chữ viết họ tên “Phạm Thu H2” tại trang 2 trên 02 tài liệu cần giám định so với chữ viết của Phạm Thu H2 trên các tài liệu so sánh do cùng một người viết ra; Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Phạm Thu H2 tại trang 2 trên 02 tài liệu cần giám định so với chữ ký của Phạm Thu H2 trên các tài liệu so sánh có phải do cùng một người ký ra không” (bút lục số 81).

Qua điều tra xác minh, ngày 14/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án, ngày 19/10/2020, ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Thu H2. Do H2 không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định truy nã.

Đến ngày 21/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã bắt giữ được H2 theo quyết định truy nã. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Phạm Thu H2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của H2 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (bút lục số 145-148).

Vật chứng thu giữ: 02 bản “Hợp đồng mua bán nhà đất” thu giữ của Phạm Thu H2 và chị Nguyễn Thị Kim D, sau khi giám định đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Kim D. Chị D yêu cầu bị can Phạm Thu H2 trả lại số tiền 200.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 30/11/2018.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 580/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Thu H2 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2024, bị cáo Phạm Thu H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Phạm Thu H2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh. Tuy nhiên về phần hình phạt luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đó là trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến năm 1979 bị cáo có đóng góp một phần cho sự nghiệp cách mạng, tham gia công tác, chiến đấu trong Lực lượng an ninh T4. Ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có chồng nhưng đã ly hôn, con duy nhất đã chết, nuôi cháu ngoại còn

nhỏ và bản thân bị cáo sức khỏe yếu, hiện đã 69 tuổi, số tiền chiếm đoạt ở mức đầu khung là 500 triệu đồng nhưng bị cáo đã trả được 300 triệu đồng cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo mong muốn được chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thu H2 đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Phạm Thu H2 là người thuê căn nhà số D Đường số C (năm 2012 được cấp số mới là số 205 Đường số A), Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Châu Thị Kim H1 là chủ sở hữu đề ở. Do muốn có tiền trả nợ cho con là Nguyễn Bảo T2, nên bị cáo H2 dùng thủ đoạn mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất của chị H1 rồi sửa tên chủ sở hữu trên bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất ở thành bị cáo là chủ sở hữu. Sau đó, sử dụng bản photo này cho bị hại Nguyễn Thị Kim D coi làm cho bà D tin tưởng bị cáo H2 là chủ sở hữu và ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng căn nhà trên để chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng.

Do đó Tòa sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thu H2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù là tương xứng. Tuy nhiên tại phiên Tòa phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đó là bị cáo có thời gian tham gia tham gia cách mạng tại Quân khu I từ năm 1975 đến 1979. Ngoài ra bị cáo có điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, chồng ly hôn, có con duy nhất đã chết, tuổi già, phải nuôi cháu ngoại 12 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Luật sư về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[3] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phạm Thu H2.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 580/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Thu H2 07 (B) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Thu H2 để bảo đảm thi hành án.

[2] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thu H2 không phải chịu.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam CA TP HCM; (2)
- (để tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu VT (6), HS (2) T.15 (BA 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long